

**TÒA ÁN NHÂN DÂN  
TP. BUÔN MA THUỘT  
TỈNH ĐẮK LẮK**

Bản án số: 10/2020/HNGĐ-ST

Ngày 19-02-2020

V/v: “Tranh chấp về ly hôn”

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**  
**Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

**NHÂN DANH**  
**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM**

**TÒA ÁN NHÂN DÂN TP. BUÔN MA THUỘT, TỈNH ĐẮK LẮK**

**- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:**

*Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa:* Bà Vũ Thị Dư

*Các Hội thẩm nhân dân:*

1. Ông Hoàng Việt Oanh

2. Bà Tống Thị Điệp

**- Thư ký phiên tòa:** Bà Lê Nguyệt Ánh – Thư ký Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột, tỉnh Đắk Lắk.

Ngày 19 tháng 02 năm 2019, tại trụ sở Tòa án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 740/2019/TLST-HNGĐ ngày 26/9/2019 về “Tranh chấp về ly hôn” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 02/2020/QĐXX-ST ngày 06 tháng 01 năm 2020 và Quyết định hoãn phiên tòa số 05/2020/QĐST-HNGĐ ngày 21/01/2020 giữa các đương sự:

**1. Nguyên đơn:** Bà Phạm Thị Tuyết M - Sinh năm 1970 - có mặt

Trú tại: Đường T, phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk

**2. Bị đơn:** Ông Tào Tú S - Sinh năm 1970 - vắng mặt

Trú tại: Đường T, phường T, Thành phố B, Đắk Lắk.

**NỘI DUNG VỤ ÁN:**

**Tại đơn khởi kiện, quá trình tham gia tố tụng và tại phiên tòa, nguyên đơn bà Phạm Thị Tuyết M trình bày:** Bà M xây dựng gia đình với ông S trên cơ sở tự nguyện, có đăng ký kết hôn tại Ủy ban nhân dân phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk vào ngày 16/01/1998. Quá trình chung sống đến 2012 phát sinh mâu thuẫn, thường cãi vã; Nguyên nhân do ông S không lo tu chí làm ăn, không có trách nhiệm với vợ, con mà còn cờ bạc dẫn đến nợ nần, có những lúc còn không chung thủy, bà M đã nhiều lần khuyên nhủ nhưng ông S

không nghe. Nay bà M xét thấy mâu thuẫn vợ chồng đã ở mức trầm trọng, tình cảm không còn nên đề nghị Toà án giải quyết cho được ly hôn với ông S.

Về con chung: Bà M và ông S có 01 con chung là Tào Thiệu V, sinh ngày 24/9/1999 - đã thành niên, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên không yêu cầu tòa giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Không có.

**Bị đơn ông Tào Tú S đã được triệu tập hợp lệ nhiều lần nhưng đều vắng mặt không có lý do.**

### **NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:**

Căn cứ vào tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa và căn cứ vào kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về tố tụng: Theo yêu cầu của nguyên đơn thì đây là vụ án “Tranh chấp về ly hôn” thuộc thẩm quyền giải quyết của Toà án nhân dân thành phố Buôn Ma Thuột theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự.

Bị đơn ông Tào Tú S đã được triệu tập hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vẫn vắng mặt không có lý do, nên Tòa án không tiến hành hòa giải giữa các đương sự được.

Tại phiên tòa hôm nay, bị đơn vắng mặt là lần thứ hai; Do đó, Tòa án tiến hành xét xử vụ án vắng mặt bị đơn là phù hợp theo quy tại điểm khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung, Hội đồng xét xử xét thấy:

Bà Phạm Thị Tuyết M và ông Tào Tú S tự nguyện kết hôn với nhau vào ngày 16/01/1998, có đăng kết hôn tại ủy ban nhân dân phường T, Thành phố B, tỉnh Đắk Lắk, đây là quan hệ hôn nhân hợp pháp được pháp luật bảo vệ.

Quá trình duy trì hôn nhân đến 2012 bà M – ông S xảy ra mâu thuẫn kéo dài cho tới nay, nhưng cả hai bên đều không tìm được biện pháp giải quyết mâu thuẫn, hàn gắn tình cảm, mà bỏ mặc; Như vậy mục đích hôn nhân không đạt được; Bản thân ông S cũng không có ý kiến phản đối gì đối với yêu cầu khởi kiện của bà M, nên chấp nhận yêu cầu xin ly hôn ông S của bà M là phù hợp theo quy định tại Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.

Về con chung: Bà M và ông S có 01 con chung là Tào Thiệu V, sinh ngày 24/9/1999; Chị V đã thành niên, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên việc nuôi dưỡng không đặt ra để giải quyết.

Về tài sản chung và công nợ: Bà M xác định không có nên không yêu cầu giải quyết.

[3] Về án phí: Bà M phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật

***Vì các lẽ trên;***

### **QUYẾT ĐỊNH:**

*Căn cứ: Khoản 1 Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 2 Điều 227, khoản 3 Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 của Bộ luật tố tụng dân sự.*

*Căn cứ: Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình.*

*Căn cứ: Điểm a Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số: 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.*

#### ***Tuyên xử :***

**1. Về hôn nhân:** Cho ly hôn giữa bà Phạm Thị Tuyết M và ông Tào Tú S.

**2. Về nuôi con chung:** Con chung của bà M và ông S là chị Tào Thiệu V, sinh ngày 24/9/1999 đã thành niên, phát triển bình thường về thể lực và trí lực nên việc nuôi dưỡng không đặt ra để giải quyết.

**3. Về chia tài sản:** Đương sự xác định không có tài sản và công nợ nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

**4. Về án phí:** Bà Phạm Thị Tuyết M phải chịu 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm; khấu trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí do bà Phạm Thị Tuyết M nộp thay bà Phạm Thị Tuyết M tại chi cục thi hành án dân sự Thành phố B theo biên lai thu tiền số: 0002445 ngày 18/9/2019.

Đương sự có mặt tại phiên tòa được quyền kháng cáo bản án trong hạn 15 ngày kể từ ngày tòa tuyên án. Đương sự vắng mặt tại phiên tòa thì thời hạn kháng cáo tính từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

#### ***Nơi nhận:***

- P.NV&THA TA tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND tỉnh Đắk Lắk;
- VKSND TP.BMT;
- CCTHADS TP.BMT;
- UBND p. T, Tp.BMT;
- Các đương sự;
- Lưu hồ sơ

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM  
THẨM PHÁN- CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(đã ký)

**Vũ Thị Dư**